TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUY TIÊN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 20/*2024*/HNGĐ-ST
Ngày 15/8/2024
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: ông Mạnh Xuân Hải.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: ông Trần Văn Tuấn và bà Đỗ Thị Liên.

* *Thư ký phiên tòa*: bà Phạm Thị Loan – Thẩm tra viên.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên tham gia phiên toà:* bà Lê Thị Minh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024, về việc *"Ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXX-ST ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: anh **Đặng Thanh H**, sinh năm 1969; địa chỉ: thôn Th, xã Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2- Bị đơn: chị **Đặng Thị H**, sinh năm 1974; địa chỉ: thôn Th, xã Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đặng Thanh H trình bày: Anh kết hôn với chị Đặng Thị H trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Y, huyện D (nay là thị xã D), tỉnh Hà Nam tổ chức đăng ký kết hôn vào năm 1994. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng năm 2006 đến nay không ai quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đặng Thị H.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Đặng Thị H trình bày: Chị xác nhận về điều kiện, thủ tục kết hôn giữa anh H và chị như anh H đã trình bày, nhưng chị cho rằng thời điểm vợ chồng kết hôn là năm 1995, trước đây chị giữ giấy kết hôn nhưng nay bị thất lạc nên chị chưa giao nộp với Tòa án. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H có quan hệ với người phụ nữ khác và bỏ đi không làm ăn và không có trách nhiệm với vợ con, chị xác nhận vợ chồng sống ly thân nhau từ khoảng năm 2006 đến nay. Nay anh H làm đơn xin ly hôn chị, chị không đồng ý.

Về con chung: Anh H và chị H đều xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Đặng Huy H, sinh năm 1994 và cháu Đặng Thanh H, sinh năm 1998. Hiện tại, cả hai con chung của vợ chồng đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được nên khi ly hôn anh H, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công sức, công nợ của vợ chồng: Anh H và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28; 35; 39; 147, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số: 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016. Xử ly hôn ly hôn giữa anh Đặng Thanh H và chị Đặng Thị H; Về con chung; tài sản chung; công sức; công nợ: không đặt ra giải quyết; Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Nguyên đơn anh Đặng Thanh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Đặng Thanh H vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án, cả nguyên đơn anh Đặng Thanh H và bị đơn chị Đặng Thị H cùng cho rằng anh chị có đăng ký kết hôn UBND xã Y, huyện D (nay là thị xã D) vào năm 1994 nhưng bị thất lạc giấy tờ kết hôn. Theo lời trình bày của anh H cho rằng vợ chồng đăng ký kết hôn vào năm 1994, nhưng chị H lại cho rằng vợ chồng đăng ký kết hôn năm 1995. Song các đương sự đều không xuất trình được tài liệu để chứng minh cho quan điểm của mình. Theo kết quả xác minh, Ủy ban nhân dân xã Y cho biết: Qua rà soát sổ lưu trữ đăng ký kết hôn năm 1994 tại địa phương không còn lưu trữ nên không cung cấp trích lục kết hôn của anh H và chị H với Tòa án được. Tuy nhiên,

căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Giấy khai sinh của 02 người con chung, của vợ chồng anh chị đều có tên anh H, chị H là cha, mẹ của các cháu. Mặt khác, tại thời điểm năm 1994, 1995 thì cả anh H, chị H đều đã đủ tuổi kết hôn theo Luật HN&GĐ năm 1987.

Do đó, mặc dù cả anh H, chị H không xuất trình được giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận về quan hệ hôn nhân với Tòa án. Song căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và nhận định trên, HĐXX có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa anh H, chị H là hôn nhân hợp pháp. Nay vợ chồng anh chị mâu thuẫn và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án cần căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ tình cảm vợ chồng: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn và hai người đã sống ly thân từ đó đến nay. Mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn mỗi người đưa ra là khác nhau, song cả hai cùng thừa nhận từ lâu vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Đến nay anh H có yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H nhưng không được chị H đồng ý. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, chị H cũng không đưa ra được biện pháp nào thuyết phục anh H rút yêu cầu ly hôn về đoàn tụ với chị.

Từ nhận định trên, HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị H đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cho dù kéo dài tình trạng ly thân của vợ chồng như hiện nay cũng không đem lại hạnh phúc. Vì vậy, HĐXX cần xử ly hôn giữa anh Đặng Thanh H và chị Đặng Thị H là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật NH&GĐ.

[4] Về con chung: Anh H và chị H cùng xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Đặng Huy H, sinh năm 1994 và cháu Đặng Thanh H, sinh năm 1998, hiện nay cả hai cháu đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Khi ly hôn cả anh H và chị H không yêu cầu gì về con chung nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, công nợ, công sức của vợ chồng: Do anh H và chị H đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn anh Đặng Thanh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Đặng Thanh H và chị Đặng Thị H.

2. Về con chung: Đối với con chung của vợ chồng anh H, chị H là Đặng Huy H, sinh năm 1994 và Đặng Thanh H, sinh năm 1998. Hiện tại cả hai người con này đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được, nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức của vợ chồng: Không đặt ra xem xét.

4. Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Nguyên đơn là anh Đặng Thanh H phải chịu 300.000 đồng. Anh H được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai số 0001115 ngày 22/5/2024 tại Chi cục Thi hành án thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Báo cho bị đơn chị H có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Nguyên đơn anh H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Hà Nam.*
- *VKSND thị xã Duy Tiên.*
- *Chi cục THA thị xã Duy Tiên.*
- *UBND xã Yên Nam;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Mạnh Xuân Hải